

TTH

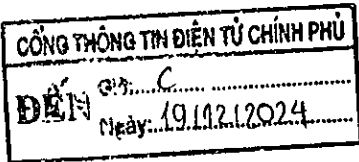
**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1576/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**



**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Tờ trình số 1413 /TTr-BYT ngày 30 tháng 10 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều 2.** Bộ trưởng Bộ Y tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan, tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện trong Phụ lục (kèm theo), đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch có liên quan.

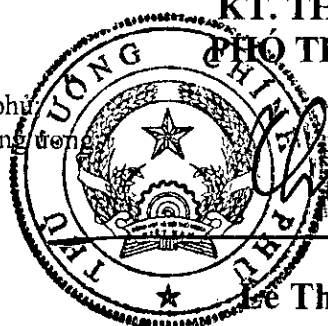
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KGVX (2b). 105

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Thành Long**



## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1576/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2024  
của Thủ tướng Chính phủ)

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế);
- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, huy động nguồn lực gắn với trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế;
- Xây dựng lộ trình thực hiện danh mục dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện.

#### 2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, định hướng phát triển của Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế; bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương;
- Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương;
- Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển mạng lưới cơ sở y tế;
- Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn vốn;
- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch;

- Đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch.

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU**

### **1. Triển khai thực hiện các dự án theo Quy hoạch**

#### **a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công**

Các dự án sử dụng vốn đầu tư công được xác định theo nguyên tắc:

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan về đầu tư công.

- Sử dụng hiệu quả đầu tư công để kích hoạt, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia các công trình đầu tư phát triển các cơ sở y tế theo quy hoạch.

- Ưu tiên đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng đối với mạng lưới cơ sở y tế tại các khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo và các lĩnh vực hạn chế về nguồn thu: y tế dự phòng, bệnh viện lao, phong, tâm thần...

- Nhà nước đầu tư và có cơ chế khuyến khích, ưu đãi phù hợp để các doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu tham gia đầu tư các phòng thí nghiệm chuyên ngành đề nghiên cứu, phát triển thuốc.

- Các dự án xây dựng, nâng cấp bệnh viện chuyên sâu kỹ thuật cao và bệnh viện đảm nhận chức năng vùng được sử dụng vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công**

- Khuyến khích đầu tư tư nhân phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao, tiên tiến hiện đại, dịch vụ theo yêu cầu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, kể cả của người có thu nhập cao, người nước ngoài.

- Thu hút nguồn lực xã hội theo các hình thức: đầu tư cơ sở y tế tư nhân; đầu tư theo phương thức đối tác công tư; vay vốn, thuê, cho thuê tài sản; tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ đầu tư tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).

### **2. Cơ chế, chính sách, đề án thực hiện Quy hoạch**

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù chăm lo phát triển y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, chuyển đổi, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp y tế; điều chỉnh chức năng nhiệm vụ phù hợp bảo đảm đáp ứng yêu cầu tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế, tăng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đào tạo khối ngành sức khỏe để bảo đảm nhu cầu nhân lực là bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng cả về số lượng và trình độ chuyên môn. Rà soát cơ cấu nhân lực theo yêu cầu vị trí việc làm ở từng lĩnh vực trong đó cần chú trọng tăng số lượng các chuyên gia dịch tễ học, y tế công cộng và các chuyên ngành sâu cho phát triển các phòng xét nghiệm cũng như trong lĩnh vực khác liên quan tới kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe do biến đổi khí hậu, môi trường và xã hội.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực y tế dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu lớn và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y khoa, đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới trong dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh, trong nghiên cứu, phát triển và sản xuất thuốc, vắc xin, thiết bị y tế. Nâng cao tiềm lực, tập trung ưu tiên phát triển công nghệ có khả năng ứng dụng cao, đặc biệt là y tế số, trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ sinh học, dược học, điện tử y sinh.

- Đẩy mạnh hợp tác về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo chất lượng cao và hợp tác trao đổi chuyên gia, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển y tế chuyên sâu.

(Danh mục các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, đề án tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này).

### **3. Kế hoạch sử dụng đất**

- Thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế thuộc đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia đến năm 2025 là 9,9 nghìn ha và đến năm 2030 là 12,04 nghìn ha (tăng 4,62 nghìn ha so với hiện trạng năm 2020).

- Căn cứ kế hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định pháp luật liên quan, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các địa phương có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án phân bổ và bố trí quỹ đất cho các cơ sở y tế đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

### **4. Nguồn lực thực hiện Quy hoạch**

- Huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư từ các nguồn: (i) vốn-khu vực nhà nước: nguồn ngân sách nhà nước; nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của cơ sở y tế và các nguồn vốn hợp pháp khác; (ii) vốn khu vực ngoài nhà nước.

- Trong quá trình xây dựng, triển khai các dự án cụ thể, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, yêu cầu thực tiễn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Giao Bộ Y tế thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức phổ biến nội dung Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư, tạo đồng thuận và huy động sự tham gia trong triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế.

b) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch này; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch và rà soát điều chỉnh Quy hoạch theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch, bố trí nguồn lực, đề xuất các cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả Quy hoạch. Định kỳ tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch gửi Bộ Y tế tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

#### 3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch, xây dựng đề án thành lập, kiện toàn các cơ sở y tế đảm nhận chức năng vùng; có định hướng ưu tiên quỹ đất để thu hút nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực y tế; cân đối kinh phí đầu tư và kinh phí hoạt động thường xuyên, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để phát triển mạng lưới cơ sở y tế trên địa bàn.



**Phụ lục I**

**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1576/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT       | Danh mục dự án  | Cơ quan chủ trì                       | Cơ quan phối hợp                 | Phân kỳ thực hiện |           |          | Nguồn vốn                       |                |
|----------|---|---------------------------------------|----------------------------------|-------------------|-----------|----------|---------------------------------|----------------|
|          |   |                                       |                                  | 2021-2025         | 2026-2030 | Sau 2030 | NSNN, ODA và các nguồn vốn khác | Vốn ngoài NSNN |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh</b>  |                                       |                                  |                   |           |          |                                 |                |
| 1        | Đầu tư nâng cấp 06 Bệnh viện ngang tầm quốc tế  |                                       |                                  |                   |           |          |                                 |                |
| 1.1      | Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Chợ Rẫy  | Bộ Y tế                               | Các Bộ, địa phương liên quan     | x                 | x         |          | x                               |                |
| 1.2      | Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Quân y 175   | Bộ Quốc phòng                         | Các Bộ, ngành liên quan          |                   | x         |          | x                               |                |
| 2        | Đầu tư nâng cấp các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế (bao gồm nâng cấp các cơ sở hiện có và phát triển các cơ sở khác ngoài cơ sở hiện có)  | Bộ Y tế                               | Các Bộ, ngành liên quan          |                   | x         |          | x                               |                |
| 3        | Đầu tư xây dựng Bệnh viện Trung ương Tây Nguyên   | Bộ Y tế                               | Các Bộ, ngành liên quan          |                   | x         |          | x                               |                |
| 4        | Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị cho các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng vùng tại các tỉnh, thành phố: Sơn La (01), Yên Bái (01), Lào Cai (01), Phú Thọ (01), Tuyên Quang | UBND các tỉnh, thành phố có bệnh viện | Bộ Y tế, các Bộ, ngành liên quan | x                 | x         |          | x                               | x              |

| TT | Danh mục dự án  | Cơ quan chủ trì                                | Cơ quan phối hợp        | Phân kỳ thực hiện |           |          | Nguồn vốn                       |                |
|----|---|--|-------------------------|-------------------|-----------|----------|---------------------------------|----------------|
|    |   |  |                         | 2021-2025         | 2026-2030 | Sau 2030 | NSNN, ODA và các nguồn vốn khác | Vốn ngoài NSNN |
|    | (01), Bắc Giang (01), Hà Nội (02), Hải Phòng (01), Thanh Hoá (01), Nghệ An (01), Đà Nẵng (01), Khánh Hoà (01), Bình Định (01), Đắk Lắk (01), TP Hồ Chí Minh (02), Tiền Giang (01), Đồng Tháp (01), Kiên Giang (01)  | trong quy hoạch                                |                         |                   |           |          |                                 |                |
| 5  | <p>Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị cho các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng vùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên khoa ung bướu: Phú Thọ (01), Hà Nội (01), Nghệ An (01), Đà Nẵng (01), Thành phố Hồ Chí Minh (01), Cần Thơ (01)</li> <li>- Chuyên khoa tim mạch: Hà Nội (01), Thành phố Hồ Chí Minh (01), Cần Thơ (01)</li> <li>- Chuyên khoa sản/sản - nhi: Phú Thọ (01), Hà Nội (01), Hải Phòng (01), Nghệ An (01), Đà Nẵng (01), Thành phố Hồ Chí Minh (03), Cần Thơ (02)</li> <li>- Chuyên khoa lão khoa: Cần Thơ (01)</li> <li>- Chuyên khoa phục hồi chức năng: Thành phố Hồ Chí Minh (01)</li> <li>- Chuyên khoa y học cổ truyền: Thành phố Hồ Chí Minh (01), Nghệ An (01)</li> </ul> | UBND các tỉnh, thành phố có địa điểm quy hoạch | Các Bộ, ngành liên quan | x                 | x         |          | x                               | x              |



| TT  | Danh mục dự án  | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                    | Phân kỳ thực hiện |           |          | Nguồn vốn                       |                |
|-----|---|------------------------|-------------------------------------|-------------------|-----------|----------|---------------------------------|----------------|
|     |   |                        |                                     | 2021-2025         | 2026-2030 | Sau 2030 | NSNN, ODA và các nguồn vốn khác | Vốn ngoài NSNN |
|     | - Chuyên khoa truyền nhiễm - nhiệt đới: Khánh Hoà (01), Thành phố Hồ Chí Minh (01)  |                        |                                     |                   |           |          |                                 |                |
| 6   | Đầu tư cơ sở thuộc lĩnh vực huyết học và truyền máu: Trung tâm Máu Quốc gia tại thành phố Hà Nội; Trung tâm Máu khu vực miền Trung tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Trung tâm Máu khu vực miền Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Huyết học – truyền máu vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ | Bộ Y tế                | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 7   | Trung tâm điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh  | Bộ Y tế                | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 8   | Đầu tư nâng cấp các bệnh viện trường đại học, đại học quốc gia  |                        |                                     |                   |           |          |                                 |                |
| 8.1 | Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y dược Huế  | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 8.2 | Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ  | Bộ Y tế                | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |

| TT         | Danh mục dự án   | Cơ quan chủ trì         | Cơ quan phối hợp                    | Phân kỳ thực hiện |           |          | Nguồn vốn                       |                |
|------------|--|-------------------------|-------------------------------------|-------------------|-----------|----------|---------------------------------|----------------|
|            |  |                         |                                     | 2021-2025         | 2026-2030 | Sau 2030 | NSNN, ODA và các nguồn vốn khác | Vốn ngoài NSNN |
| 8.3        | Bệnh viện Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội   | Đại học Quốc gia Hà Nội | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng</b>  |                         |                                     |                   |           |          |                                 |                |
| 1          | Đầu tư xây dựng trung tâm kiểm soát bệnh tật trung ương                                      | Bộ Y tế                 | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 2          | Đầu tư xây dựng 03 trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực                                      | Bộ Y tế                 | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | x                 | x         |          | x                               |                |
| 3          | Đầu tư, nâng cấp các viện chuyên ngành lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng                | Bộ Y tế                 | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | x                 | x         |          | x                               |                |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn</b>   |                         |                                     |                   |           |          |                                 |                |
| 1          | Đầu tư nâng cấp các viện chuyên ngành lĩnh vực kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn            | Bộ Y tế                 | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | x                 | x         |          | x                               |                |
| 2          | Đầu tư nâng cấp 06 trung tâm kiểm nghiệm tỉnh, thành phố thành trung tâm kiểm nghiệm khu vực | UBND 06 tỉnh, thành phố | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |

| TT        | Danh mục dự án   | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                    | Phân kỳ thực hiện |           |          | Nguồn vốn                       |                |
|-----------|--|-----------------|-------------------------------------|-------------------|-----------|----------|---------------------------------|----------------|
|           |  |                 |                                     | 2021-2025         | 2026-2030 | Sau 2030 | NSNN, ODA và các nguồn vốn khác | Vốn ngoài NSNN |
|           | tại Yên Bái, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ   |                 |                                     |                   |           |          |                                 |                |
| 3         | Đầu tư phát triển các trung tâm thử nghiệm lâm sàng, trung tâm nghiên cứu sinh khả dụng và đánh giá tương đương sinh học của thuốc | Bộ Y tế         | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 4         | Đầu tư xây dựng đơn vị quốc gia về chuyển giao công nghệ vắc xin   | Bộ Y tế         | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực giám định y khoa, giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần</b>  |                 |                                     |                   |           |          |                                 |                |
| 1         | Đầu tư xây dựng 01 cơ sở giám định pháp y tại Thành phố Hồ Chí Minh  | Bộ Y tế         | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 2         | Đầu tư xây dựng mới 02 cơ sở giám định pháp y tâm thần khu vực tại Nghệ An và Thành phố Hồ Chí Minh                                | Bộ Y tế         | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 3         | Đầu tư nâng cấp các cơ sở giám định y khoa, giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần quốc gia và khu vực                      | Bộ Y tế         | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | x                 | x         |          | x                               |                |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực Dân số - sức khỏe sinh sản</b>   |                 |                                     |                   |           |          |                                 |                |

| TT        | Danh mục dự án  | Cơ quan chủ trì                | Cơ quan phối hợp   | Phân kỳ thực hiện |           |          | Nguồn vốn                       |                |
|-----------|---|--------------------------------|--|-------------------|-----------|----------|---------------------------------|----------------|
|           |   |                                |  | 2021-2025         | 2026-2030 | Sau 2030 | NSNN, ODA và các nguồn vốn khác | Vốn ngoài NSNN |
| 1         | Đầu tư xây dựng 02 trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại Thái Nguyên và Đắk Lắk  | UBND tỉnh Thái Nguyên, Đắk Lắk | Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan |                   | x         |          | x                               |                |
| 2         | Đầu tư nâng cấp 06 trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại Hà Nội, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ | Bộ Y tế                        | Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, thành phố             |                   | x         |          | x                               |                |
| 3         | Đầu tư xây dựng bệnh viện lão khoa tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long   | Bộ Y tế                        | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan                      |                   | x         |          | x                               |                |
| <b>VI</b> | <b>Khu phức hợp y tế chuyên sâu</b>   |                                |  |                   |           |          |                                 |                |
|           | Đầu tư xây dựng 02 khu phức hợp y tế chuyên sâu dự kiến tại Bắc Ninh và Long An   | Bộ Y tế                        | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan                      |                   |           | x        | x                               |                |

**Ghi chú:** Tên gọi, quy mô, diện tích sử dụng đất, tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án sẽ được tính toán, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và phê duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



## Phụ lục II

### CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ Y TẾ (Kèm theo Quyết định số 1576 /QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | Nội dung nhiệm vụ   | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp   | Sản phẩm dự kiến   | Thời gian thực hiện/hoàn thành                     |
|----|---|----------------|---|--|--|
| 1  | Nghiên cứu, rà soát Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm và xây dựng dự án Luật điều chỉnh về phòng bệnh và nâng cao sức khỏe  | Bộ Y tế        | Bộ Tư pháp và bộ, ngành liên quan   | Luật   | Theo tiến độ Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh |
| 2  | Nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về thiết bị y tế   | Bộ Y tế        | Bộ Tư pháp và bộ, ngành liên quan   | Luật   |  |
| 3  | Nghiên cứu, xây dựng dự án Luật dân số  | Bộ Y tế        | Bộ Tư pháp và bộ, ngành liên quan   | Luật   |  |
| 4  | Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động đầu tư, quản lý, khai thác, bảo trì mạng lưới cơ sở y tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao.        | Bộ Xây dựng    | Bộ Y tế, Bộ Khoa học và công nghệ và các bộ, ngành, địa phương có liên quan | Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định | Nhiệm vụ thường xuyên                              |
| 5  | Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, đề xuất tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | Bộ Y tế        | Các bộ, ngành liên quan   | Báo cáo  | Tháng 12/2024                                      |

| TT | Nội dung nhiệm vụ   | Đơn vị chủ trì                      | Đơn vị phối hợp  | Sản phẩm dự kiến   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|----|---|-------------------------------------|--|--|--------------------------------|
| 6  | Tiếp tục rà soát, sắp xếp, chuyển đổi, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp y tế; điều chỉnh chức năng nhiệm vụ phù hợp bảo đảm đáp ứng yêu cầu tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế của người dân, đủ năng lực ứng phó trong trường hợp dịch bệnh, khẩn cấp và phù hợp với định hướng phát triển không gian trong thực hiện quy hoạch | Các bộ, ngành liên quan, địa phương | Bộ Y tế; và các bộ, ngành, địa phương có liên quan         |  | Nhiệm vụ thường xuyên          |
| 7  | Có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực ưu tiên và các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo; các bệnh viện cấp tỉnh đảm nhận chức năng vùng đủ năng lực thực hiện các kỹ thuật cao.   | Bộ Y tế, UBND các tỉnh, thành phố   | Các bộ, ngành, địa phương có liên quan                     | Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định | Nhiệm vụ thường xuyên          |
| 8  | Phát triển nguồn nhân lực y tế, tăng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đào tạo khối ngành sức khỏe để bảo đảm nhu cầu nhân lực là bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng cả về số lượng và trình độ chuyên môn.   | Bộ Y tế                             | Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ ngành, địa phương liên quan |  | Nhiệm vụ thường xuyên          |
| 9  | Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế thay thế Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 12/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ   | Bộ Y tế                             | Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan                         | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                           | Năm 2025                       |

| TT | Nội dung nhiệm vụ  | Đơn vị chủ trì        | Đơn vị phối hợp                              | Sản phẩm dự kiến   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|----|--|-----------------------|--|--|--------------------------------|
| 10 | Quy định chức năng, nhiệm vụ của các bệnh viện cấp tỉnh, trung tâm kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học đảm nhận chức năng vùng  | Bộ Y tế               | Các bộ, ngành liên quan và địa phương        | Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định | Năm 2025                       |
| 11 | Xây dựng Đề án thành lập Cơ quan kiểm soát bệnh tật trung ương   | Bộ Y tế               | Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan           | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                           | Năm 2025                       |
| 12 | Hướng dẫn sắp xếp các đơn vị kiểm nghiệm cấp tỉnh làm nhiệm vụ phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn chuyên ngành y tế   | Bộ Y tế               | Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan           | Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định | Năm 2025                       |
| 13 | Rà soát, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án để thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công. Ưu tiên đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng đối với mạng lưới cơ sở y tế tại các khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo và các lĩnh vực hạn chế về nguồn thu. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Y tế, các bộ, ngành, địa phương liên quan | Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định | Nhiệm vụ thường xuyên          |

| TT | Nội dung nhiệm vụ  | Đơn vị chủ trì                                  | Đơn vị phối hợp                              | Sản phẩm dự kiến                   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|----|--|---|--|------------------------------------|--------------------------------|
| 14 | Rà soát, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí, giao kinh phí thường xuyên để thực hiện quy hoạch thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.  | Bộ Tài chính                                    | Bộ Y tế, các bộ, ngành, địa phương liên quan |                                    | Nhiệm vụ thường xuyên          |
| 15 | Huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế. | Các bộ, ngành, địa phương có địa điểm quy hoạch | Các bộ, ngành, địa phương có liên quan       |                                    | Nhiệm vụ thường xuyên          |
| 16 | Đề án Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý ngành Y tế đến năm 2030  | Bộ Y tế   | Các bộ, ngành, địa phương có liên quan       | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025                       |